

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 345/QĐ-ĐHXDMT ngày 13 tháng 6 năm 2022										
1	14CQ5101020047	Lương Công Truyen	C14X1	05/08/1993	Phú Yên	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
2	16CQ5101040011	Nguyễn Dương Triều	C16CD	20/06/1998	Phú Yên	Nam	Công nghệ kỹ thuật giao thông	2022	Trung bình	13/06/2022
3	16CQ5104050009	Nguyễn Xuân Nghị	C16CN	22/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước	2022	Trung bình	13/06/2022
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 403/QĐ-ĐHXDMT ngày 04/7/2022										
4	14CQ5101020090	Phan Thanh Tín	C14X2	10/07/1996	Phú Yên	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	04/07/2022
5	16CQ4802010010	Bùi Anh Nhất	C16TH	08/08/1996	Phú Yên	Nam	Công nghệ thông tin	2022	Trung bình	04/07/2022
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 470/QĐ-ĐHXDMT ngày 27/7/2022;										
6	17CQ3403010038	Nguyễn Thị Lệ Thi	C17KT	28/02/1999	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Trung bình	27/07/2022
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 570/QĐ-ĐHXDMT ngày 29 tháng 8 năm 2022										
7	15CQ5101020028	Nguyễn Trọng Nhân	C16X1	26/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	29/08/2022
8	16CQ5101020015	Đỗ Hữu Khang	C16X1	05/01/1998	Khánh Hòa	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	29/08/2022
9	19CQ3404041005	Lê Thị Thanh Hiền	C19KS1	01/11/2000	Phú Yên	Nữ	Quản trị kinh doanh	2022	Giỏi	29/08/2022
10	19CQ3404041006	Huỳnh Đức Huy	C19KS1	13/02/1999	Phú Yên	Nam	Quản trị kinh doanh	2022	Giỏi	29/08/2022
11	19CQ3404041002	Võ Quốc Cường	C19KS1	31/05/2001	Phú Yên	Nam	Quản trị kinh doanh	2022	Khá	29/08/2022
12	19CQ3404041010	Lê Trương Nguru	C19KS1	25/03/1999	Phú Yên	Nam	Quản trị kinh doanh	2022	Khá	29/08/2022
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 345/QĐ-ĐHXDMT ngày 13 tháng 6 năm 2022										
13	13DQ5801020014	Lưu Thiên Định	D13K	10/12/1995	Bình Định	Nam	Kiến trúc	2022	Trung bình	13/06/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
14	13DQ5801020029	Nguyễn Tuấn Kha	D13K	01/05/1993	Khánh Hòa	Nam	Kiến trúc	2022	Trung bình	13/06/2022
15	14DQ5801020009	Bạch Tấn Hiệp	D14K1	26/07/1995	Bình Định	Nam	Kiến trúc	2022	Khá	13/06/2022
16	15DQ5802010226	Võ Trí Dũng	D15X5	29/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
17	15DQ5802010238	Nguyễn Bùi Quang Kìn	D15X5	20/11/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
18	15DQ5802010318	Tô Văn Tâm	D15X6	10/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
19	15DQ5802010319	Trương Ngọc Tây	D15X6	14/12/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
20	15DQ5802010324	Lê Ngọc Thoại	D15X6	20/09/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
21	16DQ5802010099	Nguyễn Đức Sinh	D16X1	28/07/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
22	16DQ5802010075	Lưu Thành Đạt	D16X1	12/12/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
23	16DQ5802010136	Ngô Quốc Huy	D16X2	10/09/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
24	16DQ5802010123	Trần Quốc Cường	D16X2	10/02/1998	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
25	16DQ5802010129	Lê Võ Thanh Duy	D16X2	16/11/1998	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
26	16DQ5802010121	Phan Văn Cang	D16X2	24/01/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
27	16DQ5802010150	Nguyễn Ngọc Sinh	D16X2	19/02/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
28	16DQ5802010151	Đặng Tấn Tài	D16X2	08/04/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
29	16DQ5802010134	Lê Đức Hoài	D16X2	12/05/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
30	16DQ5802010197	Lưu Bá Phát	D16X3	15/09/1996	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	13/06/2022

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
31	16DQ5802010214	Nguyễn Hữu	Trường	D16X3	25/09/1998	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
32	16DQ5802010226	Phạm Hoài	Danh	D16X4	13/07/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
33	16DQ5802010284	Hồ Văn	Hậu	D16X5	15/08/1998	Quảng Bình	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	13/06/2022
34	15DQ5802010254	Bùi Chí	Tâm	D15X5	25/11/1996	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
35	15DQ5802010384	Nguyễn Thanh	Tính	D15X7	15/04/1996	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
36	16DQ5802010115	Đào Trọng	Tuyên	D16X1	17/01/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	13/06/2022
37	16DQ5802010117	Phan Tuấn	Vinh	D16X1	03/04/1998	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
38	16DQ5802010149	Đào Nguyên	Sách	D16X2	11/10/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
39	16DQ5802010244	Nguyễn Đức	Minh	D16X4	18/10/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	13/06/2022
40	16DQ5802010264	Võ Văn	Trương	D16X4	07/08/1998	Quảng Nam	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
41	16DQ5802010368	Đào Thiên	Khôi	D16X6	09/04/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	13/06/2022
42	16DV5802110038	Nguyễn Đức	Thuận	D16CTN2	10/05/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kỹ thuật cấp thoát nước	2022	Giỏi	13/06/2022
43	16DV5802110034	Phạm Duy	Thanh	D16CTN2	06/10/1986	Bình Định	Nam	Kỹ thuật cấp thoát nước	2022	Khá	13/06/2022
44	16DV5802110036	Phan Gia	Thành	D16CTN2	05/06/1985	T.Thiên Huế	Nam	Kỹ thuật cấp thoát nước	2022	Khá	13/06/2022
45	19DL5802011233	Huỳnh Thế	Tiến	D19X6.	02/10/1989	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Khá	13/06/2022
46	19DL5802011226	Huỳnh Văn	Hùng	D19X6.	04/04/1991	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Khá	13/06/2022
47	19DL5802011285	Võ Thanh	Dân	D19X6.	18/09/1990	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
48	19DL5802011232	Trần Minh	Thạch	D19X6.	12/09/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Khá	13/06/2022
49	19DL5802011272	Nguyễn Đình	Phụng	D19X6.	19/12/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Trung bình	13/06/2022
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 403/QĐ-ĐHXDMT ngày 04 tháng 7 năm 2022											
50	17DQ5801020006	Phan Văn	Khởi	D17K	24/12/1999	Phú Yên	Nam	Kiến trúc	2022	Xuất sắc	04/07/2022
51	17DQ5801020010	Trần Nhân	Quân	D17K	28/07/1999	Phú Yên	Nam	Kiến trúc	2022	Giỏi	04/07/2022
52	17DQ5801020019	Đỗ Quốc	Bảo	D17K	02/10/1999	Phú Yên	Nam	Kiến trúc	2022	Giỏi	04/07/2022
53	17DQ5801020021	Phan Châu Hiếu	Nghĩa	D17K	25/02/1999	Phú Yên	Nam	Kiến trúc	2022	Giỏi	04/07/2022
54	17DQ5801020015	Phan Sử Chánh	Trực	D17K	11/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Kiến trúc	2022	Giỏi	04/07/2022
55	17DQ5801020003	Nguyễn Tài	Châu	D17K	26/11/1999	Phú Yên	Nam	Kiến trúc	2022	Khá	04/07/2022
56	17DQ5801020001	Phùng Thanh	An	D17K	29/08/1999	Phú Yên	Nam	Kiến trúc	2022	Khá	04/07/2022
57	17DQ5802050032	Hứa Châu	Ngân	D17CD	01/11/1998	Đắk Lắk	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Giỏi	04/07/2022
58	17DQ5802050028	Phan Văn	Linh	D17CD	08/12/1999	Quảng Nam	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Khá	04/07/2022
59	17DQ5802050046	Nguyễn Minh	Thông	D17CD	03/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Khá	04/07/2022
60	17DQ5802050040	Trịnh Văn	Sâm	D17CD	18/02/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Khá	04/07/2022
61	17DQ5802050007	Hoàng An Minh	Đức	D17CD	13/09/1999	Đắk Lắk	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Trung bình	04/07/2022
62	17DQ5802050020	Trần Quang	Huy	D17CD	20/08/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Trung bình	04/07/2022
63	15DQ5802050095	Lê Đăng	Anh	D15CD2	05/09/1997	Đắk Lắk	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Trung bình	04/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
64	18DQ5803010014	Nguyễn Thị Hương Hoa	D18KX1	08/01/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
65	18DQ5803010015	Nguyễn Thị Hòa	D18KX1	20/03/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
66	18DQ5803010005	Nguyễn Thị Bích Đào	D18KX1	01/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
67	18DQ5803010047	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	D18KX1	12/09/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
68	18DQ5803010041	Nguyễn Thị Kiều Trang	D18KX1	04/05/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
69	18DQ5803010030	Trần Dương Tuyết Phương	D18KX1	29/04/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
70	18DQ5803010019	Nguyễn Thị Thùy Loan	D18KX1	12/01/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
71	18DQ5803010008	Lê Thị Mỹ Duyên	D18KX1	19/11/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
72	18DQ5803010011	Dương Thị Vĩnh Hào	D18KX1	28/09/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
73	18DQ5803010037	Lê Văn Thúc	D18KX1	03/06/2000	Phú Yên	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
74	18DQ5803010042	Trương Thị Thiên Trang	D18KX1	03/03/1999	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
75	18DQ5803010045	Đỗ Nguyễn Vũ Tuấn	D18KX1	12/04/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
76	18DQ5803010021	Nguyễn Chí Nguyên	D18KX1	05/06/2000	Phú Yên	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
77	18DQ5803010003	Phạm Nguyễn Bảo Châu	D18KX1	24/07/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
78	18DQ5803010044	Nguyễn Thị Trinh	D18KX1	02/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
79	18DQ5803010013	Phan Ái Hiền	D18KX1	09/04/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
80	18DQ5803010033	Lê Tự Minh Tâm	D18KX1	22/11/1999	Phú Yên	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
81	16DQ5803010092	Phạm Thị Thu Viên	D16KX2	08/03/1997	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	04/07/2022
82	17DQ5803010067	Trần Thị Mỹ Diệu	D17KX1	17/02/1999	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	04/07/2022
83	17DQ5803010003	Nguyễn Minh Châu	D17KX1	01/07/1998	Phú Yên	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	04/07/2022
84	17DQ5803010020	Bùi Trương Minh Huyền	D17KX2	17/07/1999	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
85	17DQ5803010075	Nguyễn Minh Kỳ	D17KX2	28/05/1997	Phú Yên	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
86	17DQ5803010040	Võ Thị Siêng	D17KX2	30/06/1999	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	04/07/2022
87	18DQ5803020007	Đào Thị Xuân Thùy	D18QX1	13/04/2000	Phú Yên	Nữ	Quản lý xây dựng	2022	Xuất sắc	04/07/2022
88	18DQ5803020002	Nguyễn Lê Nguyên	D18QX1	21/03/2000	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
89	18DQ5803020021	Phan Võ Thúy Kha	D18QX1	24/10/2000	Phú Yên	Nữ	Quản lý xây dựng	2022	Giỏi	04/07/2022
90	18DQ5803020006	Đặng Quốc Vũ	D18QX1	22/04/2000	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
91	18DQ5803020012	Nguyễn Hiên	D18QX1	25/09/2000	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
92	18DQ5803020020	Trần Thị Minh Trâm	D18QX1	23/02/2000	Phú Yên	Nữ	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
93	18DQ5803020009	Lê Huy Hoan	D18QX1	21/01/2000	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
94	18DQ5803020001	Kpă Khũ	D18QX1	02/02/1997	Gia Lai	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
95	18DQ5803020025	Trần Thị Kim Lan	D18QX1	10/07/2000	Phú Yên	Nữ	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
96	18DQ5803020011	Đặng Kim Long	D18QX1	19/05/2000	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022
97	17DQ5803020025	Lê Văn Vinh	D17QX	18/05/1999	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Khá	04/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
98	17DQ5803020022	Lưu Minh Toàn	D17QX	23/06/1999	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Trung bình	04/07/2022
99	18DQ5802130008	Nguyễn Trung Thi	D18CTN1	24/02/2000	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật cấp thoát nước	2022	Giỏi	04/07/2022
100	18DQ5802130015	Trần Nguyễn Quang Minh	D18CTN1	02/03/1996	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật cấp thoát nước	2022	Trung bình	04/07/2022
101	12DQ5802010249	Ngô Văn Hải	D12X5	24/04/1993	Quảng Bình	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	04/07/2022

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 470/QĐ-ĐHXDMT ngày 27 tháng 7 năm 2022

102	17DQ5802010294	Võ Phụng Lâm	D17X1	24/04/1995	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Xuất sắc	27/07/2022
103	17DQ5802010039	Nguyễn Hữu Tài	D17X1	22/02/1996	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
104	17DQ5802010027	Phan Ngọc Lâm	D17X1	25/03/1999	Quảng Nam	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
105	17DQ5802010006	Nguyễn Văn Cường	D17X1	10/10/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
106	17DQ5802010010	Phan Nguyễn Bích Diệp	D17X1	01/03/1999	Phú Yên	Nữ	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
107	17DQ5802010051	Trần Anh Tuấn	D17X1	02/06/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
108	17DQ5802010311	Đoàn Minh Sang	D17X1	25/10/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
109	17DQ5802010304	Trần Lê Thành Phát	D17X1	12/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
110	17DQ5802010008	Võ Thái Đạt	D17X1	01/11/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
111	17DQ5802010033	Nguyễn Đắc Thịnh	D17X1	16/04/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
112	17DQ5802010046	Nguyễn Văn Tinh	D17X1	22/02/1998	Quảng Nam	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
113	17DQ5802010293	Lê Trung Kiên	D17X1	24/03/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
114	17DQ5802010048	Phạm Huỳnh Trọng	D17X1	25/03/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
115	17DQ5802010306	Phạm Quốc Duy Toàn	D17X1	23/05/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
116	17DQ5802010034	Trần Văn Thuận	D17X1	05/07/1999	Hà Tĩnh	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
117	17DQ5802010132	Nguyễn Minh Khoa	D17X1	24/01/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
118	17DQ5802010129	Nguyễn Thành Huy	D17X1	28/03/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
119	17DQ5802010030	Võ Thành Luật	D17X1	28/06/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
120	17DQ5802010099	Phạm Tấn Thuận	D17X1	17/03/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
121	17DQ5802010287	Trần Võ Hữu Nhân	D17X1	09/10/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
122	17DQ5802010020	Nguyễn Văn Hoàng	D17X1	12/04/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
123	17DQ5802010074	Mai Văn Hữu	D17X2	07/07/1999	Quảng Bình	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
124	17DQ5802010107	Võ Văn Tùng	D17X2	11/04/1998	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
125	17DQ5802010060	Nguyễn Minh Đăng	D17X2	19/06/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
126	17DQ5802010098	Đào Duy Thịnh	D17X2	15/04/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
127	17DQ5802010076	Nguyễn Thúy Huỳnh	D17X2	15/09/1998	Phú Yên	Nữ	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
128	17DQ5802010230	Lê Thế Hân	D17X2	10/08/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
129	17DQ5802010061	Bùi Hải Đăng	D17X2	21/07/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
130	17DQ5802010101	Ngô Viết Toại	D17X2	26/03/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
131	17DQ5802010232	Ngô Trọng	Hiếu	D17X2	15/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
132	17DQ5802010066	Nguyễn Trọng	Dũng	D17X2	11/10/1999	Gia Lai	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
133	17DQ5802010281	Võ Dương	Điền	D17X2	18/08/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
134	17DQ5802010148	Trần Anh	Tài	D17X2	08/03/1999	Quảng Bình	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
135	17DQ5802010087	Trần Anh	Phát	D17X2	13/09/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
136	17DQ5802010106	Lê Ngọc	Tuấn	D17X2	01/09/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
137	17DQ5802010070	Võ Thái	Hiền	D17X2	09/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
138	17DQ5802010110	Nguyễn Văn	Vũ	D17X2	10/01/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
139	17DQ5802010071	Lê Thanh	Hòa	D17X2	15/08/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
140	17DQ5802010094	Đoàn Anh	Tài	D17X2	11/04/1999	Quảng Bình	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
141	17DQ5802010286	Đào Anh	Pháp	D17X2	01/07/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
142	17DQ5802010103	Phan	Trọng	D17X2	22/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
143	17DQ5802010067	Nguyễn Khánh	Duy	D17X2	02/12/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
144	17DQ5802010285	Trần Văn	Phong	D17X2	12/04/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
145	17DQ5802010109	Đỗ Nhật	Vinh	D17X2	20/12/1998	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
146	17DQ5802010086	Dương Thanh	Nhất	D17X2	30/10/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
147	17DQ5802010126	Phạm Tâm	Hòa	D17X3	08/01/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
148	17DQ5802010159	Lê Minh Trường	D17X3	08/06/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
149	17DQ5802010117	Nguyễn Công Danh	D17X3	12/12/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
150	17DQ5802010158	Lê Đức Trục	D17X3	17/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
151	17DQ5802010188	Võ Phong Lộc	D17X3	17/11/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
152	17DQ5802010137	Nguyễn Hồ Trà Mi	D17X3	12/09/1999	Phú Yên	Nữ	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
153	17DQ5802010111	Nguyễn Văn Anh	D17X3	08/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
154	17DQ5802010201	Nguyễn Văn Thái	D17X3	15/01/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
155	17DQ5802010160	Trà Ngọc Tuấn	D17X3	01/04/1999	Quảng Nam	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
156	17DQ5802010113	Đặng Thanh Chiêu	D17X3	10/05/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
157	17DQ5802010145	Nguyễn Thanh Quang	D17X3	07/10/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
158	17DQ5802010299	Nguyễn Văn Hiệp	D17X3	20/08/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
159	17DQ5802010123	Trương Hùng Hải	D17X3	08/12/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
160	17DQ5802010249	Nguyễn Văn Như	D17X3	19/01/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
161	17DQ5802010119	Nguyễn Hữu Đoan	D17X3	08/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
162	17DQ5802010267	Nguyễn Thành Trung	D17X3	16/01/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
163	17DQ5802010242	Ngô Hoàng Kiệt	D17X3	16/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
164	17DQ5802010116	Lê Anh Dân	D17X3	20/04/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
165	17DQ5802010112	Nguyễn Văn Biền	D17X3	20/04/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
166	17DQ5802010223	Nguyễn Văn Công	D17X3	14/03/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
167	17DQ5802010143	Tôn Thất Nhật Phú	D17X3	25/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
168	17DQ5802010150	Nguyễn Văn Thái	D17X3	10/03/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
169	17DQ5802010141	Huỳnh Tấn Phát	D17X3	05/11/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
170	17DQ5802010075	Lê Ngọc Huy	D17X3	15/12/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
171	17DQ5802010014	Nguyễn Anh Hào	D17X3	05/05/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
172	17DQ5802010128	Đoàn Thanh Huân	D17X3	07/07/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
173	17DQ5802010114	Nguyễn Lê Minh Chương	D17X3	07/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
174	17DQ5802010259	Lê Xuân Thiện	D17X3	16/03/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
175	17DQ5802010220	Trần Quốc Như Ý	D17X4	10/03/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
176	17DQ5802010189	Nguyễn Thành Luân	D17X4	11/08/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
177	17DQ5802010197	Nguyễn Thành Sâm	D17X4	02/11/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
178	17DQ5802010234	Lê Xuân Hoàng	D17X4	08/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
179	17DQ5802010210	Nguyễn Văn Trọng	D17X4	15/04/1996	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
180	17DQ5802010181	Sử Chấn Hưng	D17X4	10/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
181	17DQ5802010089	Nguyễn Thanh Quán	D17X4	10/12/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
182	17DQ5802010214	Dương Thanh Tuấn	D17X4	20/11/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
183	17DQ5802010212	Phan Thành Trung	D17X4	13/07/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
184	17DQ5802010209	Phạm Văn Toàn	D17X4	31/07/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
185	17DQ5802010213	Nguyễn Ngọc Tú	D17X4	04/12/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
186	17DQ5802010191	Lê Chí Nguyên	D17X4	09/09/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
187	17DQ5802010211	Nguyễn Hữu Trục	D17X4	10/06/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
188	17DQ5802010219	Nguyễn Tuấn Vũ	D17X4	29/01/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
189	17DQ5802010186	Nguyễn Phạm Thiếc Kỵ	D17X4	08/05/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
190	17DQ5802010044	Trần Phi Thủ	D17X4	17/01/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
191	17DQ5802010195	Nguyễn Thái Quang	D17X4	22/04/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
192	17DQ5802010176	Phạm Ngọc Hải	D17X4	02/09/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
193	17DQ5802010179	Duy Tấn Hoài	D17X4	20/04/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
194	17DQ5802010280	Bùi Lương Bằng	D17X4	08/09/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
195	17DQ5802010194	Nguyễn Hoàng Phú	D17X4	16/02/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
196	17DQ5802010245	Trần Văn Lợi	D17X4	26/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
197	15DQ5802010048	Trương Minh Triết	D15X1	10/01/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
198	15DQ5802010129	Lại Xuân Lâm	D15X3	15/01/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
199	15DQ5802010264	Nguyễn Văn Trung	D15X5	20/09/1996	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
200	16DQ5802010086	Nguyễn Hy Kha	D16X1	27/02/1998	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
201	16DQ5802010167	Châu Hoàng Việt	D16X2	14/10/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
202	16DQ5802010320	Nguyễn Văn Vinh	D16X5	02/01/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
203	16DQ5802010313	Phạm Hữu Toàn	D16X5	10/11/1998	Đắk Lắk	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
204	14DQ5802010169	Hà Trọng Phúc	D14X3	21/06/1995	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
205	14DQ5802010203	Đinh Bá Dũng	D14X4	02/05/1996	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
206	14DQ5802010516	Trần Văn Viễn	D14X6	16/06/1996	Đà Nẵng	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
207	15DQ5802010262	Triệu Công Toàn	D15X5	05/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
208	16DQ5802010145	Bùi Tá Minh Nhật	D16X2	07/03/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
209	16DQ5802010211	Bùi Hữu Tĩnh	D16X3	01/01/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
210	16DQ5802010228	Nguyễn Quốc Dự	D16X4	25/07/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
211	17DQ5802050022	Huỳnh Hoài Huy	D17CD	18/07/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Trung bình	27/07/2022
212	16DQ5803010017	Lê Thanh Ngữ	D16KX1	20/09/1998	Phú Yên	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
213	16DQ5803010078	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	D16KX1	21/02/1998	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
214	17DQ5803010007	Đoàn Quốc Dân	D17KX1	12/09/1998	Phú Yên	Nam	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	27/07/2022
215	18DQ5802130001	Nguyễn Minh Đăng	D18CTN1	12/12/2000	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật cấp thoát nước	2022	Giỏi	27/07/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
216	17DQ5203200008	Lê Thị Diễm	D17MT	16/06/1998	Phú Yên	Nữ	Kỹ thuật môi trường	2022	Khá	27/07/2022
217	19DL5802011236	Nguyễn Thanh Tùng	D19X6.	19/11/1998	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
218	20DL5802011005	Phan Hữu Thành	D20XDK6	23/05/1992	Gia Lai	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Giỏi	27/07/2022
219	20DL5802011023	Nguyễn Hữu Minh	D20XDK6	24/10/1998	Lâm Đồng	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Khá	27/07/2022
220	19DL5802011224	Huỳnh Trần Giang	D19X6.	17/02/1991	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Khá	27/07/2022

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 477/QĐ-DHXDMT ngày 01 tháng 8 năm 2022

221	18DQ3403010009	Nguyễn Thị Minh Hiếu	D18KT1	11/03/1999	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Xuất sắc	01/08/2022
222	18DQ3403010029	Lê Trần Hoài Thom	D18KT1	04/11/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Xuất sắc	01/08/2022
223	18DQ3403010026	Lê Mai Tâm	D18KT1	09/03/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Giỏi	01/08/2022
224	18DQ3403010006	Huỳnh Thị Tố Diễm	D18KT1	30/01/1985	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Giỏi	01/08/2022
225	18DQ3403010011	Nguyễn Văn Hoan	D18KT1	09/09/2000	Phú Yên	Nam	Kế toán	2022	Giỏi	01/08/2022
226	18DQ3403010004	Lê Kiều Chi	D18KT1	07/07/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Giỏi	01/08/2022
227	18DQ3403010017	Nguyễn Thị Mỹ	D18KT1	14/09/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Khá	01/08/2022
228	18DQ3403010021	Phan Kim Như	D18KT1	15/04/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Khá	01/08/2022
229	18DQ3403010039	Phạm Huỳnh Thanh Xuân	D18KT1	13/04/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Khá	01/08/2022
230	18DQ3403010047	Nguyễn Hoàng Uyên	D18KT1	01/04/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Khá	01/08/2022
231	18DQ3403010016	Phan Lê Ái Miên	D18KT1	23/09/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Khá	01/08/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
232	18DQ3403010041	Đỗ Thị Kim Ly	D18KT1	17/06/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Khá	01/08/2022
233	18DQ3403010015	Đỗ Dương Khả Mi	D18KT1	10/06/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Trung bình	01/08/2022
234	19DQ3403011062	Lê Thị Thanh Thủy	D18KT1	13/04/1998	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Trung bình	01/08/2022
235	18DQ3403010032	Nguyễn Thị Thu Trà	D18KT1	01/01/2000	Phú Yên	Nữ	Kế toán	2022	Trung bình	01/08/2022
236	18DQ5803010035	Nguyễn Huyền Thi	D18KX1	23/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	01/08/2022
237	18DQ5803010025	Cao Quỳnh Như	D18KX1	26/12/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	01/08/2022
238	18DQ5803010055	Võ Thị Lâm Phương	D18KX1	11/09/2000	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Khá	01/08/2022
239	16DQ5803010090	Nguyễn Thị Thanh Trà	D16KX2	22/09/1998	Phú Yên	Nữ	Kinh tế xây dựng	2022	Trung bình	01/08/2022
240	17DQ5802010035	Nguyễn Toàn Phương	D17X1	02/01/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	01/08/2022
241	17DQ5802010221	Lê Hoài Bảo	D17X1	27/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	01/08/2022
242	17DQ5802010308	Trương Thanh Dũng	D17X2	20/12/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	01/08/2022
243	17DQ5802010270	Phan Hữu Tuấn	D17X3	29/01/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	01/08/2022
244	17DQ5802010156	Phạm Công Toán	D17X3	22/07/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	01/08/2022
245	17DQ5802010172	Nguyễn Tấn Đạt	D17X4	03/08/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Khá	01/08/2022
246	17DQ5802010184	Nguyễn Văn Khải	D17X4	22/11/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	01/08/2022
247	17DQ5802050049	Nguyễn Quốc Toàn	D17CD	04/10/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Khá	01/08/2022
248	17DQ5802050001	Hà Thị Kiều Anh	D17CD	15/11/1999	Phú Yên	Nữ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Khá	01/08/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày cấp bằng
249	17DQ5802050062	Hồ Phạm Trường Giang	D17CD	30/06/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Khá	01/08/2022
250	17DQ5802050055	Đoàn Chí Tân	D17CD	27/12/1999	Bình Định	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Khá	01/08/2022
251	17DQ5802050002	Lương Minh Chiến	D17CD	24/05/1999	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2022	Trung bình	01/08/2022
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 478/QĐ-ĐHXDMT ngày 01 tháng 8 năm 2022										
252	20DQ5802011909	Đặng Hòa Phước	D20XDK5	20/10/1998	Gia Lai	Nam	Kỹ thuật xây dựng	2022	Trung bình	01/08/2022
Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 570/QĐ-ĐHXDMT ngày 29 tháng 8 năm 2022										
253	14DQ5801020014	Võ Nhĩ Khang	D14K1	08/06/1996	Phú Yên	Nam	Kiến trúc	2022	Khá	29/08/2022
254	13DQ5801020073	Cam Gia Cảnh	D14K1	13/05/1994	Lạng Sơn	Nam	Kiến trúc	2022	Trung bình	29/08/2022
255	14DQ5802010170	Nguyễn Quốc Qui	D14X3	07/04/1996	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	29/08/2022
256	15DQ5802010359	Võ Trung Lai	D15X6	27/11/1997	Phú Yên	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	2022	Trung bình	29/08/2022
257	18DQ5803020024	Nguyễn Văn Thơm	D18QX1	02/04/2000	Phú Yên	Nam	Quản lý xây dựng	2022	Khá	29/08/2022

Tổng số: 257 sinh viên